

## **Chương bốn**

---

### **SỰ NGỘ ĐẠO CỦA QUAN PHỦ NGÔ VĂN CHIÊU**

#### **4.1 ĐỔI RA HÀ TIÊN**

##### **□ Đến Hà Tiên**

Có những chuyện ở đời dưới mắt trần ta tưởng như là những việc miễn cưỡng không hay và thường phân vân suy nghĩ. Nhưng đến khi mọi việc xảy ra một cách bất ngờ trong sự thành tựu, ta mới biết đó là việc tiền định.

Đầu năm 1920, nhiều chuyện không hay xảy đến đã làm cho Quan phủ không yên tâm. Một phần vì mẹ mất gây mối u buồn trong gia đình, một phần nhân tâm đang hồi lộn bại. Trong việc hành chánh xảy ra nhiều lộn xộn không hay. Kẻ gây ra những vụ lộn xộn bất chính e rằng câu chuyện sẽ vì tính cương trực của ông mà bại lộ nên có nhiều phiền phức khó chịu với ông khiến ông không muốn ở Tân An nữa. Cho nên, mặc dù quan chủ tỉnh lúc bấy giờ là Tholence khuyên can, ông cũng quyết định đơn xin đổi đi nơi khác.

Ban đầu ông định xin đi Hòn Chông, trong thâm tâm là tìm chỗ vắng vẻ để tránh những va chạm không đâu, nhưng ông Tholence khuyên đi Hà Tiên vì Hòn Chông hiểm trở, nước độc rừng thiêng, nhiều thú dữ.

## *Đông Tân*

Ta có thể biết được tính cách chuyển đi này khi xem những lời thơ tiễn biệt của các thân bằng cố hữu của ông lúc bấy giờ.

Ông Cai tổng Nhơn ở Tân An có gửi cho ông một bài thi như sau:

*"Cám cảnh huyện quan đã lắm nhiều,  
Đau lòng đi, ở biết bao nhiêu!  
Hà Tiên tách dăm lòng khoan khoái,  
Cù Úc chia trời luống quanh hiu!  
Bè liểu trông theo vò chín khúc,  
Nhành mai toan gửi quận trăm chiều!  
Cái phần nam tử xưa nay vẫn...  
Cầu chúc cho ông nổi tiếng biêu!"*

Ông Trần phong Sắc và ông Trương tòa Cao văn Lỗi có thiết tiệc tiễn hành ông với bài chúc sau đây:

*"Nay Trưởng tòa đãi tiệc  
Đưa Quan huyện lên đường:  
Nhóm bạn vàng đủ mặt hiền lương,  
Dưng lời chúc đưa người phúc đức.  
Từ thi đỗ ông lên quan chức,  
So tánh thường người ở trung dung,  
Tổng làng cảm cảnh khôn cùng,  
Há phải quan yêu thì bạn ghét?  
Dân chúng kính thương chỉ xiết,  
Thiệt là gần mến lại xa trông.  
Tánh thanh liêm giữ mực chí công,  
Lòng trung hậu vẹn câu chí tín.  
Yến Bình Trọng giao lâu càng kính,  
Hứa Kinh Chi nhân trọngặng đặng truyền.  
Nay chỉ sai thuyền nhậm Hà Tiên,  
Nên mình tách tạm ly Cù Úc.  
Mới biết người lành trời trả phúc,  
Đã thêm lương lạiặng đặng thêm quyền.  
Cho hay lòng tốt dễ tầm Tiên,  
Khi đạo núi có khi đạo nước  
Nhằm ngày rảnh, du hồ hóng mát,  
Sờ hứa kia, khô mực nọ, đưa theo chén rượu Thanh Liên.  
Gặp đêm thanh, thưởng nguyệt giải phiền,  
Sầu riêng ấy, phạt thủ này, phụ với bình trà bạch cúc,  
Cảnh tiên người chẳng tục,*

*Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Say vui sơn thủy khúc tình trần.  
Lòng chánh ứng như thần,  
Khuyên dạy hiền lương nuôi kẻ khó,  
Xem phong cảnh một mình vui thế đó,  
Có ngày đem gia quyến sum vầy.  
Tiệc tiễn hành các bạn nhóm nơi đây,  
Còn khi gặp tri âm bàn bạc,  
Con hãm hút vì tình lọt lọt,  
Lời quê mùa tỏ dạ mặn nồng.  
Tiệc hôm rồi đã nhượng mấy ông,  
Thơ bức chót xin đừng năm vắn.  
Vậy có thơ rằng:  
Mình nay quan huyện đổi Hà Tiên,  
Có đức Trời choặng có quyền.  
Trăm dặm Vũng Gò còn trú mến,  
Một đường sau trước nổi danh hiền.  
Hòn Nghê cầm bầu đưa theo gió,  
Đánh Hạc hoa tươi rắm tới triều.  
Âm chất sẽ ngồi xe ngựa mã  
Trùng phùng đồng ước hội Đào viên!"

Tuy nhiên những bữa tiệc thịnh soạn đang trưng bày thì ông đã ra đi không kịp dự. Cảnh nhà đang ấm cúng trở thành không vui, nhất là bà Ngô. Vì thế, trước khi đi ông có nói với cô Nguyệt lúc bấy giờ mới 15 tuổi rằng:

"Cha đổi đi Hà Tiên là xứ quanh hiu như người đi dầy, nhưng mà:

*Anh hùng lâm nạn vô phiên nạn,  
Đữu Lý Văn Vương bất thám sâu!*

Các con ở lại với mẹ. Cha mà không đem các con đi theo là cha sợ cha làm quan đâu có dư giả, nếu đem đi theo thì không đủ sức để mẹ con sung sướng; nếu cha dắt theo thì chỉ cho khởi động lòng thương xót dùng của hối lộ cho mẹ con thì cái tội cha phải kêu bằng ăn chung mà tội riêng, nên cha mới để mẹ con ở lại Tân An, nếu có ai ăn hiếp thì quan chủ tỉnh can thiệp, còn phần cha thì lo trả nợ nước cho rồi".

Cái cảnh quan yêu thì bạn ghét thật đã làm cho ông bực bội mà phải ra đi như một người ruồng bỏ nơi mà chính ông đã hết lòng xây dựng tự bao giờ. Vì thế, dù các bạn có thiết tiệc lòng long trọng, vừa kịp giấy lại là ông đi ngay, không muốn gặp bạn bè phiền phức.

Khi ông vừa đến Hà Tiên, đúng ngày 1 tháng 3 năm 1920 có gửi thư về thì bà Ngô không bằng lòng, bảo cô Năm Nguyệt viết thư cho ông nói rằng: "Bút sa

## *Đông Tân*

*thì gà chết (ý nói xin đổi đi rồi khó bề trở lại), cha con ở ngoài ấy thôi thì tha hồ du hồ du hớn, còn mẹ con ở lại chịu cảnh cực khổ".*

Trong thơ trả lời của ông có mấy câu sau:

*"Ai biết đâu là nhà hay đâu là nợ,  
Cha con chồng vợ nợ cho tương,  
Ai tin u hiển cơ oan báo,  
Có thuở dựng lên chốn Ngọc đường".*

Thật ta không thể không cảm kích trước thái độ vừa từ bi, đạo đức, vừa cứng rắn khôn ngoan của ông trong một tình cảnh như thế. Ông là một người thanh liêm chính trực lại được bề trên tin dùng việc gì mà phải chịu nhường bọn dưới dù họ có rắp ranh cố hại bao nhiêu đi nữa cũng khó lay chuyển địa vị của ông được. Nhưng vốn lòng hỉ xả, không ưa điều gây hấn và không muốn xen vào công việc của người khác nên ông đã xử sự một cách êm đẹp là tự mình lặng lẽ ra đi.

### ❑ **Cầu Tiên ở Thạch Động**

Hình như phải có cảnh núi non mới tạo cho các bậc đại giác một khung cảnh thuận tiện cho sự màu nhiệm của Vô hình ứng hợp với thiên nhiên tạo vật, nên đức Thích Ca phải tìm vào rừng núi, đức Jésus, đức Mahomet cũng cần đến khung cảnh ấy. Ngày nay, đức Ngô Minh Chiêu cũng thế.

Ông Ngô văn Chiêu đến Hà Tiên, thấy cảnh núi non tịch mịch, khác hẳn cảnh đồng bằng Tân An thì lấy làm sảng khoái với chí nguyện của mình. Nơi đây, ông thường lên núi Thạch Động để cầu Tiên. Có một vị Tiên cô xưng là Ngô Kim Liên cho ông hai bài thi khuyên răn lo tu hành như sau:

*"Văng vẳng kêu bạn giữa thu,  
Rằng trời rằng đất vẫn xa mù,  
Non Tây ngoảnh lại đường gai góc,  
Gắng chí cho thành bực trượng phu."*

*"Ngân ngàn trăng tỏ giữa trời thu,  
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù!  
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,  
Lắm công trình mới đáng công phu!"*

Theo hai bài thi trên đây, quả việc ông Ngô đến Hà Tiên không phải là sự ngẫu nhiên mà chính là nơi mà ông có thể tịnh dưỡng để đạt thành lễ nhiệm màu của đạo Trời.

### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

Lúc bấy giờ từng sự tại tòa bố Hà Tiên có ông Cao văn Sự. Theo lời ông Sự thì ở Hà Tiên đàn cơ tại lãng Mạc Cửu không biết có tự bao giờ, nhưng khi ông đến đó (khoảng tháng 11 năm 1918) thì thấy người ta thường tới xin thuốc và cầu cúng, lại cũng hay cầu Tiên tại đấy.<sup>4.1</sup> Đàn dùng ngọc bội cơ (y như ngọc cơ trong đạo dùng bây giờ). Ngọc cơ chấm mực đã mài sẵn, viết trên một cái mâm thoa rượu bằng cây có bờ cao chung quanh. Đàn cơ được thiết lập theo lời chỉ dẫn của linh hồn một người đi theo với Mạc Cửu rất hay chữ chết rồi làm phù sứ (cũng như tùy phái ở cõi Vô hình) cho biết. Đồng tử lúc bấy giờ là ông Lâm tấn Đức và ông Phán Ngàn. Sau này, tiếp tay có ông Đốc phủ Cao văn Sự. Những vị Tiên giáng đàn thường là Lữ Đồng Tân, Bạch Hạc Đồng Tử, Minh Nguyệt Đồng Tử...

Mỗi kỳ đàn được thiết lập thật là công phu. Đàn phủ toàn vải trắng, vị pháp sư vẽ bùa trấn đàn trừ ma quỷ phải cột bùa vào hai ngón tay cái của đồng tử. Ấy thế, mà có lắm khi ma quỷ vào quấy phá tứ tung.

Nhưng từ khi ông Ngô đến đây thì việc cầu Tiên trở nên dễ dàng. Người ta không còn đốt *hịch* hay *khải* như trước. Những phù phép quá nghiêm khắc không dùng nữa. Ông vừa ở Hà Tiên được ít lâu thì một hôm có người bạn của ông ở Phú Quốc là ông Đốc phủ Đầu gửi cho ông một bức thư nội dung không rõ nói gì nhưng dường như muốn ông xin ra Phú Quốc. Ông bèn xin thiết lập một đàn cơ tại nhà ông Lâm tấn Đức (theo lời ông Đốc phủ Sự), thuở ấy có mặt ông Nguyễn thanh Diêu. Đồng tử là ông Lâm tấn Đức và ông Cao văn Sự.

Vị Tiên Ông là Cao Đài giáng đàn cho một bài thi. Về hai chữ Cao Đài, chính ông Sự và ông Đức cũng chưa nghe nói đến bao giờ, sau này mới rõ. Có lẽ hôm ấy là một đêm trăng tỏ (khoảng Trung thu 1920). Bài thi như sau:

*"Cao Đài minh nguyệt Ngô văn Chiêu  
Linh lung vạn học thể quang Diêu  
Vô thạm Sự Đức, nhiệm ngao du,  
Bích thủy thanh sơn tương đối tiếu!"*

Những chữ Chiêu Diêu Sự Đức là tên các vị hầu đàn hôm ấy. Các ông không biết gì, nhưng ông suy ra thì biết mình có thể xin đi Phú Quốc được. Quả nhiên sau đó không lâu, ông ở tại Hà Tiên chưa đầy tám tháng thì có lệnh đổi đi Phú Quốc.

Sự dẫn dắt của Vô hình đối với người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài đến đây mới chỉ là một ý niệm. Ta sẽ thấy rõ ý niệm này hơn trong mấy năm ông sống ở Phú Quốc.

---

4.1 Mạc Cửu còn gọi là Mạc linh Công người Quảng Đông, là một trong các tướng nhà Minh chạy loạn nhà Thanh đến Hà Tiên khoảng năm 1679, có công trong việc khai phá đất này và được phong đại tướng trấn đất Hà Tiên. Mạc Cửu mất năm 1735, con là Mạc thiên Tứ lên thay.

## 4.2 RA TRẦN NHẬM PHÚ QUỐC

### □ Cách sống tinh thần - Sự cầu Tiên

Ngày 26 tháng 10 năm 1920, ông được lệnh ra trần nhậm Phú Quốc. Hải đảo này thuộc Nam phần Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan, do Mạc Cửu khai thác và dâng cho chúa Nguyễn Phúc Chu năm 1714 (*Giáp Ngọ*). Thuở Chúa Nguyễn Ánh chống nhau với quân Tây Sơn, Phú Quốc là một cứ điểm quan trọng. Chính nơi đây, Nguyễn Ánh dùng làm nơi ẩn trú của gia đình (1778) sau mấy năm lưu vong tại Vọng Các, và cũng là bàn đạp để chúa Nguyễn mưu sự khôi phục và thống nhất giang san. Dân chúng Phú Quốc phần đông là những người tỵ nạn chính trị và dân chài. Đến thời Pháp thuộc thì Phú Quốc cũng như Côn Lôn là nơi an trí những tù nhân chính trị hay kinh tế. Phải chăng cái cảnh trời nước mênh mông, núi non tịch mịch đã là một khung cảnh cần thiết cho sự trầm tư học đạo của ông Ngô văn Chiêu nên Đức Thượng Đế mới chuyển ông ra đây với mục đích thực hiện lễ huyền vi màu nhiệm ấy.



**Quang cảnh núi Dương Đông Phú Quốc**  
Trên cao chót là ngôi đền Cao Đài Hội Thánh (*hình năm 1967*)



**Ngôi đền Cao Đài Hội Thánh tọa lạc trên di tích Quan Âm Tự (1967)**



**Ngôi đền Cao Đài Hội Thánh tọa lạc trên di tích Quan Âm Tự (2003)**

## *Đông Tân*

Từ trước nay ông vẫn ăn chay mỗi tháng hai ngày và tụng kinh Minh Thánh như khi còn nhỏ. Đây không phải là một bài kinh của một tôn giáo mà chỉ là những lời xưng tụng công đức của một vị Thánh nhân để lại làm mẫu mực cho những ai muốn có một đức độ siêu phàm mà thôi.

Tuy vậy, trong thâm tâm ông cũng muốn tìm một lối thoát tinh thần cần thiết cho việc giải tỏa tâm trạng buồn nản vừa qua. Ông đã xem rất nhiều sách về tôn giáo nhưng không môn đạo nào làm ông cảm thấy có thể trả lời những hoài vọng của mình.

Lại nữa, ông không hề chịu học đạo với những thầy phàm tục khi chính những người này đã không thực hiện được đạo lý trong tâm khảm như ông đã nhận biết, trong khi ngoài đời, ông cũng nhận thấy phần đông không còn giữ được nguyên vẹn sắc thái của giáo lý đã lãnh hội từ xưa nơi các Giáo chủ, mà chỉ là những hình thức khuyến dụ không hay. Do đó, ông quyết chí tìm thầy Tiên học đạo mới vừa lòng.

Cái cảnh núi non hùng vĩ từ nghìn xưa đã tạo bao nhiêu anh hùng, vĩ nhân thế giới xuất thân trong đám rừng xanh hay giữa những ngang tàng u uất là cả một điều kiện tất yếu cho sự uốn nắn tâm hồn. Ông Ngô văn Chiêu đã đến Phú Quốc với những điều kiện cần thiết để tạo nên quãng đời cao quý sau này. Mấy ai ngờ dù phải xa quê với nỗi buồn nặng trĩu, ông đã trở về trong mọi thành quả siêu nhiên mà tưởng từ xưa nay rất ít sự thành công nào sánh kịp.

Thế rồi cái không khí thần tiên cao cả ấy đã in đậm trong tâm tưởng ông với mọi ý tưởng đầy cao vợi khiến ông càng thấy cảnh thâm u càng sinh lòng ái mộ. Chắc chắn những nơi non cao núi biếc kia là những nơi chứa toàn màu nhiệm mà một ngọn Sinai, một rừng Khổ Hạnh, một giải Quarantal, một động Hara cho đến cụm Dương Đông Phú Quốc bây giờ đã chất chứa biết bao là viễn tượng! Chân lý vốn tiềm ẩn trong khoảng hư không kia không phải im lìm kín cẩn mà linh động vô cùng. Người ta phải tin rằng những nơi còn nguyên trong nếp sống thiên nhiên mới là những nơi chứa toàn những sáng tạo miên viễn!

Thế nên, khi đến Phú Quốc, ông thường lên núi Dương Đông cầu Tiên. Trước tiên là ở chùa Quan Âm Tự<sup>4.2</sup>, thuộc phái Phật Đường. Mỗi khi đi cầu Tiên, ông thường đi với người em bạn đi là cô Ba Lang và mấy người theo hầu đàn như các ông Hương hào Khâu, Giáo Mẫn, Hương Đa, Biện Tý, Ba Đồng, ông Hội đồng Phan, bà Năm Vàng, bà Phủ Phẩm. Độc giả và đồng tử là năm ba

---

4.2 Năm 1961, chùa Quan Âm Tự không người, bị sụp đổ, đệ tử cấp nhì của đức Ngô tại Sài Gòn, ông Nguyễn Minh Truyền với sự đóng góp tinh thần của các ông Bùi thiện Hùng, Trần Minh Tri... cùng đệ tử cấp nhì khác của ngài và đồng đạo tại Phú quốc, đã tái thiết ngôi nhà thờ lấy tên là Cao Đài Hội Thánh ngay trên nền cũ của Quan Âm Tự để làm di tích tưởng niệm nơi phát nguyên Cao Đài Đại Đạo, đồng thời xây một cái am kỷ niệm Quan Âm Tự gần đó hiện để hai ông bà Sư Trung trông nom.



## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

đứa nhỏ sạch sẽ như Hai Huỳnh, Tư Xuân, Tư Ngưng, Ba Nguơn, Năm Nhon, Ba Xuân, Mười Đước,<sup>4.3</sup>...

Việc cầu Tiên trước đây rất khó khăn, cầu thì nhiều mà Tiên giáng thì ít, năm lần bảy lượt mới được chút linh điển. Nhưng khi có ông đến Phú Quốc, hễ cầu là có Tiên giáng một cách dễ dàng.

Sau một thời gian thỉnh Tiên hoặc xin thuốc cho dân chúng, hoặc cho họ biết việc tiên trình, có một vị Tiên chẳng chịu xưng danh, bảo ông phải chịu làm đệ tử thì mới dạy đạo và bảo ông đừng tụng kinh Minh Thánh nữa. Về sau này, ông mới biết đó là Đức Cao Đài Thượng Đế. Một hôm, Tiên Ông giáng cơ bảo ông phải lo tu và ăn chay thêm cho được mười ngày.

Tưởng cũng nên biết rằng việc ăn chay giữa thời buổi ấy là cả một việc khó khăn vì ít ai biết sửa soạn món ăn, nhất là nơi hải đảo này món ăn thường xuyên là cá biển và nước mắm.

Ông nghĩ rằng: *"Mình đương làm quan, nay người này mời mai người khác thỉnh, nếu chịu ăn 10 ngày rồi sau rồi quên ăn mặn thì có tội với Đất Trời. Nhưng nếu làm theo lời dạy mà được kết quả gì thì cũng rán mà ăn. Nếu ăn chay 10 ngày rồi chết còn phải chịu luân hồi thì thà là ăn chay hai ngày còn hơn, miễn là mình tu hơn tích đức, chẳng làm trái với lương tâm thì thôi".* Trong trí ông định đến lần cầu Tiên sau sẽ bạch lại điều đó.

### **□ Đàn cơ mừng 1 Tết Tân Dậu (8/2/1921) tại Quan Âm Tự**

Cách ít lâu, có người thợ bạc gần đó có chuyện muốn cầu Tiên bèn thiết đàn và đến mời ông làm chứng đàn. Đàn thiết tại Quan Âm Tự, Tiên Ông giáng cơ. Ông chưa kịp bạch tự sự thì cơ viết như sau:

***" Chiêu! Tam niên trường trai!"***

Thấy vậy, Quan phủ rất lấy làm bối rối vì ông chưa chịu ăn chay mười ngày mà nay Tiên Ông lại bảo ăn chay trường ba năm. Ông mới bạch rằng:

*"Bạch Tiên Ông! Tiên Ông đã dạy thì đệ tử phải vâng. Song xin Tiên Ông bảo hộ đệ tử chớ trường trai ba năm lâu quá chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không. Và xin Tiên Ông bảo đảm, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì phải có chứng quả chi mới được".*

Tiên Ông bảo cứ giữ theo lời dặn sau sẽ rõ.

Thế là Quan phủ khỏi sự trường trai học đạo kể từ mừng một Tết Tân Dậu

---

4.3 Trong số các người kể trên, có người hiện còn sống tại Phú Quốc, như ông Nhon hiện là đại diện xã Dương Đông v.v..., còn Tư Ngưng tức là anh Đồng tử Ngưng (*xin xem phần phụ lục sau*).

## *Đông Tân*

(8/2/1921) theo Tâm pháp bí truyền của vị Tiên Ông chưa chịu xưng danh và dặn ông phải giữ kín bí truyền chừng nào tới thời kỳ khai đạo thì Tiên Ông sẽ dạy.

Tuy quan phủ mới ăn chay song ý tưởng thanh thoát lắm. Ông Cao văn Sự kể lại một mẩu chuyện vui như sau:

Một kỳ, ông đi với ông chánh sứ trong dịp ông này kinh lý Phú Quốc. Ông Ngô mời ông tới nhà ăn cơm. Mâm cơm chia làm hai bên, một bên là món mặn thịt cá cho ông Sự, một bên toàn tương rau cho ông. Vốn vui tính, ông Sự có khi giả vờ sờ đĩa mặn qua mâm chay. Ông thân mật nói: "*Thử làm chi vậy. Dù bỏ mặn vào mà tương chay cũng thành chay chứ phải đồ ăn là chay thật đâu!*"

### □ **Sự thờ Thiên Nhân<sup>4.4</sup>**

Vị Tiên Ông đã dạy ăn chay mà chưa dạy qua cách thờ. Nhưng theo lời dạy của Vô hình, sự cúng kiến tụng niệm đã thay đổi. Một bữa kia, Tiên Ông dạy ông phải tạo ra một dấu hiệu gì riêng để thờ. Ông bèn chọn chữ Thập. Tiên Ông bảo chữ Thập cũng được nhưng là dấu hiệu riêng của một tôn giáo đã có rồi, phải suy nghĩ mà tìm cho ra, Tiên Ông sẽ giúp sức. Ông xin hoãn lại một tuần lễ để có ngày giờ suy nghiệm. Mãn tuần ông vẫn không tìm ra.

Thế rồi một hôm, vào lúc 8 giờ sáng, có lẽ vào hạ tuần tháng ba năm Tân Dậu (*khoảng tháng 3, 4 năm 1921*), quan phủ đang ngồi trên võng ở mái hiên sau dinh quận đường Phú Quốc bỗng thấy hiện ra trước mặt cách độ vài ba thước tây một **Con Mắt** thật lớn, rất tinh anh, hào quang chói sáng như mặt trời. Ông sợ hãi lấy tay bịt mắt lại chẳng dám nhìn, nhưng **Con Mắt** lại chói ngời hào quang hơn nữa.

Ông bèn chấp tay vái rằng:

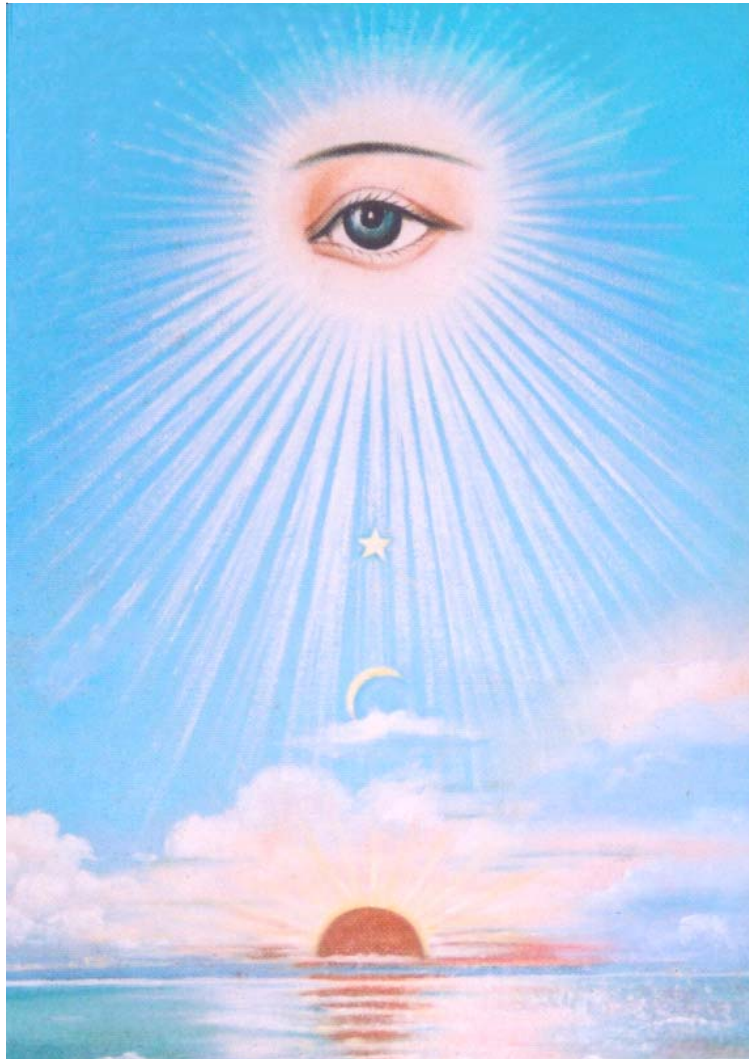
*"Bạch Tiên Ông! Đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông rồi. Xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ vậy thì xin cho biến mất tức thì!"*

Ông khấn xong **Con Mắt** lu dần rồi biến mất. Tuy thế, ông cũng chưa thiết tin nên chưa tạo **Thiên Nhân** theo sự xuất hiện mà thờ. Cách vài ngày sau, ông lại thấy y như lần trước, ông cũng xin tạo **Thiên Nhân** để thờ thì **Con Mắt** biến mất.

Sự tích thờ **Thiên Nhân** trong Cao Đài giáo phát nguyên từ đây. Không ai hiểu rõ tại sao như vậy. Buổi sinh tiền, đức Ngô có viết cho hàng đệ tử rõ nguyên văn như sau:

---

4.4 Thuật theo **Nội sử phần Vô Vi** của Chiêu Minh Đàn, Sài Gòn.



**Hình Thiên Nhân với Nhựt Nguyệt Tinh<sup>4.5</sup>**

---

4.5 Thánh Tượng Thiên Nhân này nguyên của ông Lê thiện Lộc (*Đàn Long Ẩn*) thờ tại tư gia vùng Tân Định (xin xem thêm chú thích 4.7 trang 69 và A.16 trang 233).

### *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

"Thuở giờ nơi Phật tự đâu đâu đều lên cốt Phật hoặc tượng mà thờ. Song cốt Phật và tượng Phật mỗi chùa mỗi khác, không giống nhau. Chỗ cốt Phật mập quá, chỗ lại ốm. Chỗ vẽ tượng màu này, chỗ vẽ tượng màu kia. Thành ra cũng một đạo mà cách thờ phượng không giống nhau.

Đời nay, Ngài<sup>4,6</sup> hoằng khai Đại Đạo lại mà sửa Phật giáo cho hoàn toàn và vì tại mấy cơ trên đây nên Ngài định cho chúng sanh vẽ Thánh Nhân mà thờ, ý là con mắt nào cũng phải giống nhau hết.

Sách nói: Tâm thị nhãn

Thân thể con người có Tâm làm gốc. Tâm là chủ của con người.

Thể kêu là lòng chớ kỳ thật là Tâm.

Tại sao lại vẽ có một mắt?

Mỗi người có một Tâm nên bề ngoài vẽ một con mắt mà thôi. Hễ mình thấy con mắt đó cũng như mình thấy Tâm mình. Mà hễ người nào hay thấy cái Tâm mình thì mới biết rõ nó ra sao mà kèm chế, sửa trị nó cho được hoàn toàn. Hễ người được hoàn toàn thì xa dữ gần lành nên gọi là người hiền đức.

Người ta thường nói: Tu sao cho thấy lòng là thấy Phật. Trời Phật có mắt, hằng xem xét việc tội lỗi của chúng sanh. Vậy mình phải rán mà giữ mình.

Đức Cao Đài giảng thế truyền Vô Vi Đại Đạo. Ngài muốn cho chư môn đệ Ngài hiểu ý nên Ngài dạy vẽ Thánh Nhân mà thờ không dùng hình có sắc tướng.

Tâm của mình nếu ở nơi tay thì muốn đánh muốn đập, ở nơi chân thì muốn đá muốn đạp, ở nơi miệng thì muốn nói muốn la, ở nơi khác thì sanh ra nhiều việc khác. Khi đọc kinh phải ngó Thánh Nhân, ấy là mình kèm cái Tâm không cho vọng động xao lãng. Hễ Tâm vọng trí lãng như nhà không chủ cầu chi không ai chứng.

Con mắt bên mặt là âm, bên trái là dương, dương là Trời, âm là Đất nên mình phải vẽ con mắt bên trái".

Trước đó, khi đã thành đạo và đặc lệnh truyền Cao Đài giáo, mỗi khi có ai muốn cầu đạo, đức Ngô thường chỉ Thiên Nhân mà nói: "Muốn tu thì hỏi "Ông" đó..." chứ không hề tự nhận mình là thầy dạy đạo cho thiên hạ.

Cùng ý nghĩa trên, ngày 13 tháng 1 Bính Dần (25/2/1926) trong một buổi đàn dạy các vị đệ tử đầu tiên thuộc phần Phổ Độ, Đức Cao Đài có giải như sau:

"... Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng **Con Mắt** mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

---

4.6 Chỉ Đức Cao Đài (chú thích của tác giả).

## *Đông Tân*

"*Nhãn thị chủ Tâm  
Lưỡng Quang Chủ Tế  
Quang thị Thần  
Thần thị Thiên  
Thiên giả Ngã dã.*

*Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm từ ngày đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh, Khí đặng đủ Tam Bửu là cơ màu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.*

*Từ ngày bế đạo thì luật lệ hãy còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí. Thầy đến đặng hoàn nguyên Chơn Thần cho các con đắc đạo.*

*Con hiểu: Thần cư tại nhân. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ nguồn cội Tiên Phật yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo hằng nhớ danh Thầy".*

### ☐ **Việc xưng danh hiệu của Đức Cao Đài**

Sau khi hình hiện Thiên Nhân để cho quan phủ có một ý niệm về sự thờ phụng, trong một buổi đàn tại Quan Âm Tự, Tiên Ông dạy vẽ hình **Con Mắt** như đã thấy mà thờ.<sup>4,7</sup>

Lúc bấy giờ Tiên Ông mới xưng danh hiệu là: "**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**", và dạy quan phủ phải gọi Tiên Ông bằng **Thầy** mà thôi.

Những người hầu đàn lúc ấy đều lấy làm lạ vì xưa nay chưa nghe danh Đức Cao Đài bao giờ. Tuy nhiên, quan phủ đã được nghe danh hiệu Ngài trong buổi cầu đàn tại Tân An năm trước nên càng vững dạ tin thành hơn và thờ phụng Tiên Ông như là Đức Thượng Đế Chúa Tế Vũ Trụ, Cha chung nhân loại.

Như vậy, ta có thể nói rằng Đức Cao Đài đã xuất hiện từ đầu năm Canh Thân (tháng 2 năm 1920) tại Tân An và hiển hiện rõ rệt vào đầu năm Tân Dậu (tháng 3 năm 1921) để dạy đạo lần đầu tiên tại nước Việt Nam, nhưng chỉ một mình Quan phủ Chiêu là người lãnh hội hoàn toàn có tính cách đơn độc. Đặc biệt là Đức Cao Đài không độ nhiều người cùng một lúc mà chỉ một mình Quan phủ, đủ biết địa vị của ngài trong Cao Đài giáo không ai có thể so sánh được.

### ☐ **Lời nguyện và lễ tạ ơn**

Khi đức Ngô cảm biết mùi đạo thơm tho, hương đạo ngọt ngào, trong lòng thêm phấn khởi mà nong chí tu học thì ông nguyện với Đức Cao Đài rằng:

*"Nếu Đức Cao Đài độ cho đệ tử thành đạo thì đệ tử nguyện sẽ lo độ lại*

*chúng sanh tùy theo phúc đức của mỗi người."*

Nếu đức Thích Ca có lòng gắn bó tu hành khổ hạnh dưới gốc cây Gajasirsa với tất cả chí nguyện của một kẻ ưu thời mẫn thế thì những lời nguyện của đức Ngô quả là sự nối tiếp chí thương đời của bậc đại giác đó.

Cho nên, khi ngài tu được vài năm, khoảng năm 1923, Đức Cao Đài giảng cơ dạy rằng:

*"Chư Tiên, chư Phật nhắc Thầy rằng đệ tử đã đi lạc đường, không thể nào đem đệ tử về cứu vị được. Thầy mới nhớ lại và Thầy đã hứa với chư Tiên chư Phật rằng Thầy sẽ đem đệ tử về.*

*Ngày nay đệ tử gặp dạng chơn truyền cũng nên đền ơn chư Tiên chư Phật. Nếu chư Tiên chư Phật không nhắc thì Thầy đã quên đệ tử rồi".*

Ngài bèn bạch rằng:

- 4.7 Khởi đoàn từ 1927 với Đoàn Phú Lâm, theo ông Phạm Văn Thới, đệ tử trực truyền của đức Ngô tại Đoàn này, Thiên Nhân có Nhật Nguyệt Tinh chính đức Ngô bảo họa sĩ Cứng vẽ. Ông Thới họa theo với những kích thước đã định. Ngài bảo với ông Thới không phải ngài thêm Nhật Nguyệt Tinh vào mà chính ngài đã trông thấy Thiên Nhân hình hiện cùng một lúc với ngôi sao trên nền trời có trắng khi mặt trời đang ở vị thế chưa khỏi mặt biển. Ông Nguyễn Minh Vĩnh, đệ tử Vô Vi sau này cũng thấy hiện tượng ngôi sao - mặt trăng - mặt trời mọc cùng đường thẳng đứng trên bầu trời vào ngày 2 tháng 2 năm Giáp Tý (1924), có thể cũng vào dịp này. Tác giả Đồng Tân cũng rất lấy làm hạnh được nhìn thấy Thiên Nhân hình hiện đầy hào quang trước mặt về phía trái của mình khi đứng trước Thiên bàn sắp ngồi phò loan, vào đêm khuya (giờ Tý) ba lần khác nhau. Mỗi lần Thiên Nhân đều hình hiện khi tác giả sắp chấp cơ ban hành một đạo lệnh cần thiết trong những tháng cuối năm Đinh Hợi (1947) tại Thánh Thất Trung An - Quảng Nam, lúc bấy giờ là trụ sở chánh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, khi còn mang danh nghĩa Cơ quan Truyền giáo Trung bộ thời bấy giờ trong vùng Việt minh, đương chiến cuộc Pháp Việt. Về phương diện thiên nhiên, khi tác giả làm ruộng trong thời gian phải đi vùng kinh tế mới tại Láng Dài (một vùng quê nằm giữa Bà Rịa - Xuyên Mộc), vào chiều ngày 28 tháng 8 năm Ất Mão (3/9/1975), tác giả lại thấy khi mặt trời sắp lặn, trên nền trời hiện ra từ trên xuống dưới theo một đường thẳng đứng như sau: - ngôi sao (trên cùng, cách mặt trăng 1/5 khoảng cách giữa ngôi sao và mặt trời) - mặt trăng ngửa lên (không cong xuống như trong hình thờ, cách 4/5 khoảng cách ngôi sao mặt trời) - mặt trời (đang lặn ở phương Tây). Tác giả không ngạc nhiên vì mặt trăng chịu phản chiếu của mặt trời trong thiên nhiên khi không có ánh hào quang của Thiên Nhân từ trên cao xuống là chuyện thường.

Tuy nhiên từ đầu thập niên 1990, có người - cả một số môn đồ Vô Vi mà tác giả đã cải chính - cho rằng hình Thiên Nhân với mặt trăng có phần chiếu sáng cong xuống về phía trái như đức Ngô đã cho vẽ là sai mà phải cong ngửa lên như trong thiên nhiên mới đúng vì đó là ngày thiên nhứt dương sanh (?), hoặc cũng có nơi - cả bên Phổ Độ - vẽ hình mặt trăng cong xuống bên phải (theo bên dương chứng bóng) của Thiên bàn mới đúng. Đó là một giải thích theo nhãn quan phạm tục mà thôi. Theo kinh nghiệm được khảo thị của tác giả như đã nói trên khi sắp sửa ngồi phò cơ tiếp sứ thì đã ba lần thấy hình Thiên Nhân đầy hào quang hiện ra bên trái của đồng tử khi đang đứng nhìn vào Thiên bàn - tức ánh hào quang chiếu từ bên trái của vật được chiếu vì trong không gian không phân biệt trước sau - cũng có nghĩa là bên trái của mặt trăng trong vũ trụ. Như thế đức Ngô đã cho vẽ đúng chứ không sai bởi đây là biểu tượng phần Chơn Dương của vũ trụ át cả ánh mặt trời, cũng có nghĩa là ánh sáng vật chất không làm sao hơn được hào quang vũ trụ khi hình hiện trước nhãn giới nhân loại. Đây là phần đạo học mới mẻ thị hiện một cách màu nhiệm mà phải có mức độ khai thị cao mới biết. Biểu tượng này được bộc lộ cho Chánh pháp Kỳ Ba, không phải là hiện tượng thiên nhiên dưới tầm mắt con người. Xin xem thêm *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2* - Cao Hiền sắp xuất bản.

## *Đông Tân*

"*Bạch Thầy! Đệ tử ở chốn phàm trần này thì biết lấy chi mà đền ơn chư Tiên chư Phật cho xứng đáng. Vậy đệ tử xin dâng chư Tiên chư Phật một tiệc rượu sâm banh, chẳng biết dặng hay không, xin Thầy dạy cho đệ tử rõ*".

Đức Thượng Đế trả lời: "*Tự nơi lòng đệ tử*". Qua hôm sau, trên bàn thờ đầy những ly rượu sâm banh. Đó là bữa tiệc ngài đền ơn chư Tiên chư Phật vậy. Sau ba năm tu học, Đức Thượng Đế có dạy ngài một bài ý nghĩa về đạo pháp:

*"Ba năm lao khổ độ nhứt nhơn,  
Mắt Thầy xem rõ lòng dạ chắc,  
Thương vì con trẻ hãy còn thơ  
Gắng chí tâm phương biết đạo màu!"*

### □ Cảnh Bồng lai và huyền diệu Thiên Nhân với Nhật Nguyệt Tinh<sup>4.8</sup>

Khi ngài Ngô tu được ba năm, Tiên Ông thường khen: "*Tu kỹ, đạo phát, lắm công phu*". Một hôm, trong buổi đàn cơ, Đức Cao Đài dạy sẽ ban đặc ân cho ngài theo ý ngài muốn. Ngài mới bạch rằng:

*"Bạch Thầy, nghe rằng cảnh Bồng lai xinh đẹp vô cùng, Thầy có thể nào cho đệ tử thấy cảnh ấy không?"*

Cơ gõ một cái mạnh chứ không trả lời.

Cách ít lâu sau, một buổi chiều khi mặt trời sắp lặn vào một ngày tháng 2 năm Giáp Tý (1924)<sup>4.9</sup>, ngài ra biển hóng mát, ngồi trên một hòn đá ngoài Dinh Cậu ngó mông ra biển, thấy biệt mù trời nước, sóng gợn ba đào. Bỗng chốc, ngài trông thấy lần lần từ chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh thật là xinh đẹp, cảnh này vừa khuất lại lộ ra cảnh khác. Cuối cùng, ngài thấy cảnh trên có Thiên Nhân số ngay xuống một hàng Nhật Nguyệt Tinh sáng lạng đẹp đẽ vô cùng. Ngài ngồi coi mê mẩn, chừng lối mười lăm phút, cảnh ấy mờ dần rồi biến mất.

Sau hầu cơ, ngài Ngô mới được Đức Cao Đài cho biết đó là cảnh Bồng lai ứng hiện theo lời ước của ngài, Ôn Trên cho thấy để nung chí tu học.

Cũng nhờ những sự *thấy* phi thường mà bà Maria mới biết được giá trị của đức Jésus để ca ngợi ân đức vô lượng của Thượng Đế làm thành bản hợp tấu (*La Magnificat, Luc I, 46-55*) còn truyền tụng, và cũng nhờ sự *thấy* đó mà ông Joseph đã cứu đức Jésus còn bé nhỏ khỏi bàn tay sát hại của Hérode (*Mathieu 11/13*). Cho nên, khi một Chánh pháp ra đời phải có những hình hiện chứng minh Chánh pháp ấy.

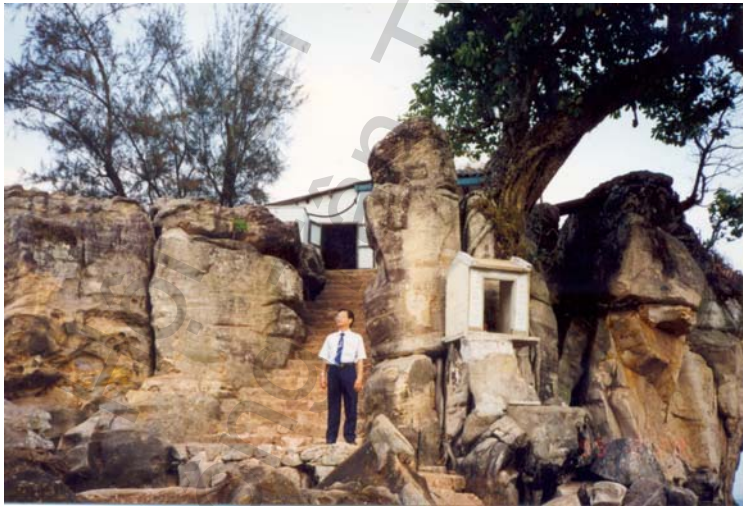
---

4.8 Xin xem phần phụ lục ở cuối sách.

4.9 Theo sự tìm hiểu của đạo hữu Minh Vĩnh tại Phú Quốc, liêu đạo tháng 10 năm 1993, được ân phong Vĩnh Đức Đạo Nhơn (*lời nữ tu sĩ Hà Tiên*).

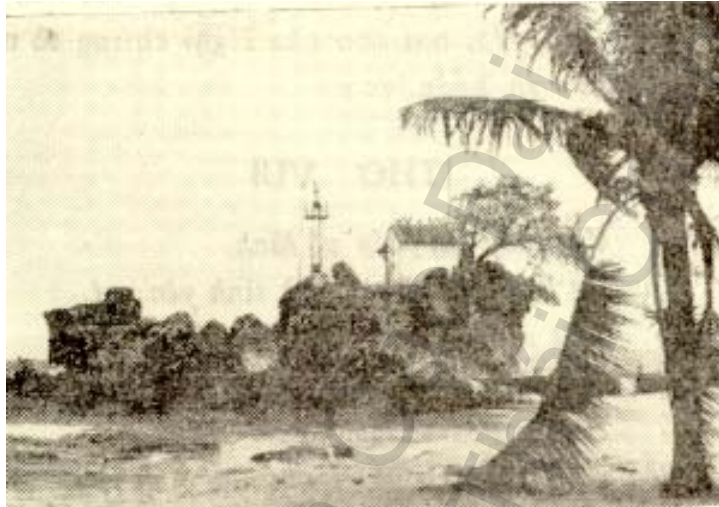


**Cửa chùa Dinh Cầu (2006)**



**Phía trước Dinh Cầu (1967)**





**Dinh Cậu ngoài biển Phú Quốc, nơi ngài Ngô thấy cảnh Bồng Lai (1967)**

**☐ Sự cầu tiên dòi về chùa Sùng Hưng Tự**



**Chùa Sùng Hưng Tự trên đường Huyện Chiêu ở Phú Quốc (1967)**



**Sùng Hưng Tự (2006)**



**Chiếc bàn và ghế mà đức Ngô dùng để cầu cơ còn được lưu giữ tại Sùng Hưng Tự (2006)**

## *Đông Tân*

Theo Nội Sử phần Vô Vi thì sự việc như sau:

Nguyên chùa Sùng Hưng Tự của ông Huỳnh đăng Khoa tạo lập do sự chung góp của ông Đỗ minh Châu tục gọi là ông Cả Bốn. Hai ông trên qui liễu rồi thì con ông Cả Bốn là ông Đỗ kim Cự thay thế trông nom, sau giao lại cho ông Đỗ văn Đỗ tục gọi là ông Tám Gia. Ông này có tánh khật khùng nên ăn nói không dè dặt phải quấy. Ông Ngô hầu cơ và cúng nơi Quan Âm Tự đã bảy tám tháng trời. Một hôm, ông lo sửa soạn bông quả cúng thì ông Tám Gia la lối không kiêng dè lễ độ và không cho cúng tại đó nữa. Ông Ngô cũng hơi buồn và hối hả dọn đi xuống chùa dưới là chùa Sùng Hưng Tự, nói với Hòa thượng chủ trì mượn chỗ cầu cơ. Từ đó về sau việc cầu Tiên được thực hiện nơi chùa Sùng Hưng Tự, cách chùa Quan Âm Tự khoảng 500 mét, dưới chân núi Dương Đông.

### □ Những năm sau cùng ở Phú Quốc

Trong thời gian ở Phú Quốc, đức Ngô đã sống một cuộc đời biệt lập, xa vợ con, cho mãi về sau này. Ông rất vui với Chánh pháp của Đức Cao Đài. Vài bài thơ của ngài chứng tỏ một nếp sống tinh thần rất thanh thoát

#### **Thơ vui**

*"Vui thay cái phép Vô hình,  
Thường hay niệm Phật tính tình yên vui.  
Một vui hiểu đạo ngọt bùi,  
Hai vui nhân nghĩa cùng người gần xa,  
Ba vui sửa bỏ lòng tà  
Bốn vui thanh chánh nước nhà bình yên.  
Năm vui thương kẻ lòng thiền,  
Sáu vui chứng đạo Thánh hiền xưa nay.  
Bảy vui ý ác đổi thay,  
Tám vui đạo đức càng ngày càng sinh.  
Chín vui lòng biết lòng gìn,  
Mười vui sẽ dựng Cao Xanh trao lành.  
Muốn vui học đạo chí thành,  
Nên cần ca tụng hưởng lành Phật cho,  
Biết là Chánh lý phải lo,  
Trong tâm xuất hiện công phu mà tìm.  
Người người đều có trái tim,  
Việc lành việc dữ trong tim ứng liền,  
Ôi thôi, tự ý đảo điên,  
Mình làm mình chịu than phiền ai hay"*

### **Thơ cảm sát sanh**

"Người sinh trên thế phải tin  
Có ông Tạo Hóa cầm cân song bằng.  
No cơm ấm áo đạo hằng  
Đứng đi ngồi nói lắng xãng cuộc đời.  
Một lành một dữ giữa vời  
Tự mình tìm kiếm nói đời chứng theo.  
Lành thì hưởng phước khởi eo  
Dữ thì hoạn họa cheo leo một mình.  
Ai hay làm phước phóng sinh  
Con nuôi khôn lớn tính tình khôn ngoan.  
Thiếu chi vật thực dưỡng an  
Nhọc nhằn chẳng ngại đi cày rừng sâu.  
Vịt gà tôm tép cá câu  
Cũng nuôi thân sống hưởng âu thịt rừng.  
Trâu nai heo khỉ từng bưng  
Chia ly chồng vợ băng khuâng nổi sầu.  
Sầu cho người thế cơ cầu  
Chẳng lo làm phước lại hầu gây tai!"

Những bài thơ trên đây tuy mộc mạc nhưng đượm mùi đạo lý, trong đó nói lên được cuộc đời tu kỹ của ngài đem ứng dụng ra cho người khác để tìm cội phước cho mình.

Trong khi đó thì đối với việc quan, ngài rất ân cần chăm lo cho dân chúng, nhưng lại rất hòa hoãn đối với các việc kiện tụng dù lớn hay nhỏ mà dân chúng đã đệ đơn đến ngài. Có ai thưa gởi gì thì ngài luôn khuyên lấy sự hòa làm gốc. Người dân tại đây đều truyền tụng lời khuyên của ngài:

*"Phải giữ chữ hòa với nhau, chớ nên sinh chuyện, hãy lo làm ăn."*

Ông Đốc phủ Sự cũng xác định: "Đối với tù nhân chính trị, ông rất mực khoan dung, dường như ông không áp dụng chánh sách hà khắc của chính phủ. Vì những lẽ đó có một số người xúi dục dân chúng kiện ông."

Bởi thế cho nên năm 1924, ngài Ngô lại được lệnh đổi về làm việc tại Soái phủ Sài Gòn.

Khi xảy ra vụ kiện ngài, Đức Cao Đài có dạy một bài thi rằng:

*"Trường trai cứu cứu họa vô ưu,  
Lập chí như đồng sự như như.  
Sanh sự tại nhơn, nhơn sanh sự.  
Học đạo Vô Vi, ngã tâm tu."*

## *Đông Tân*

Theo bài dạy trên đây, Đức Cao Đài khuyên ngài không có gì đáng buồn, mọi việc xảy do người ta xui nên, cứ vững chí, học đạo và lo tu.

Khi ngài được lệnh đổi về Sài Gòn, Ôn Trên có dạy một bài như sau:

*"Kín ngoài rồi lại kín trong,  
Đường xa phong cảnh thưởng lòng để vui.  
Công đầu chịu cực đừng lui,  
Thiên Tào khen thưởng Đạo mùi ngọt ngon.  
Ba năm lòng sáng như son,  
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.  
Chớ phiền mỗi một lòng tu,  
Trăng kia mây vệt Đường Ngu gặp hiền.  
Mưu toan vụ thấy thanh thiên,  
Các đào rõ biết mối truyền chánh tông.  
**Giờ này Thầy điểm thâm công**  
**Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên**<sup>4.10</sup>  
Ngoài trong sạch tợ bạch liên,  
Khá lòng gìn giữ mối giếng chớ xao.  
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao,  
Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem,  
Thấm mùi con biết lân nem,  
Đề hồ con uống Thầy xem ân cần.  
Đạo luyện khắc kỷ phục thân,  
**Chiêu con khá giữ Thầy phân cạn lời!"***

Theo những lời khuyên trên đây ta thấy ngài Ngô quả đã thành đạt đạo nhiệm màu trước khi rời Phú Quốc và đang được Ôn Trên lân mẫn chiếu cố trên đường tu luyện. Cho nên, việc ngài về Sài Gòn mang sứ mạng truyền bá mối Đạo Trời trong thời buổi khai cơ giáo pháp, thật quả là một diệu dụng của Vô hình vậy.

---

4.10 Lời tiên tri nói về sự liêu đạo trên sông Tiền giang (sông Cửu long) của đức Ngô sau này.